TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Bản án số: **252**/2018/DS-ST;
- Ngày: 17/8/2018
- V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: **Châu Vũ Bình**

+ Ông: **Nguyễn Trung Trực**

- *Thư ký phiên tòa*: ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X không tham gia phiên tòa:*

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2018/TLST-DS ngày 25/6/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐXXST-DS ngày 30/7/2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc A (Tr), sinh năm 1966** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: **Phạm Thị Bé B (Tr1), sinh năm 1978** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc A trình bày*: Chị có tên thường gọi là Tr. Chị có làm thảo hụi và chị B (tên thường gọi là Mộng Tr1) có tham gia 03 phần của dây hụi 2.000.000 đồng, hụi khui ngày 15/8/2016 âm lịch, dây hụi gồm có 31 phần. Ngày 20/8/2016 âm lịch, chị B hốt hụi và có đóng lại được 19 kỳ hụi chết thì ngưng, còn nợ lại 12 kỳ hụi chết với số tiền 72.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2018 âm lịch, chị có cho chị B vay số tiền 77.000.000 đồng, hai bên có viết giấy biên nhận và hứa sẽ trả lại vào ngày 20/01/2019. Hai bên có thỏa thuận miệng mỗi tháng chị B trả tiền lãi là 3.500.000 đồng, trường hợp chị B không trả lãi hàng tháng thì chị được quyền khởi kiện để yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên từ lúc vay đến nay chị B không trả lãi cho chị là vi phạm thỏa thuận khi vay

tiền nên chị có gặp trực tiếp để yêu cầu trả lãi cũng như trả vốn nhưng chị B cũng không trả nên chị có đơn thưa và ngày 07/6/2018, Tổ hòa giải ấp M, xã N giải quyết, tại buổi hòa giải chị B thừa nhận còn nợ số tiền hụi 72.000.000 đồng và 77.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng 149.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng chị không đồng ý.

Nay chị yêu cầu chị B trả số tiền hụi 72.000.000 đồng và tiền vay 77.000.000 đồng, đồng thời chị yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1%/tháng đối với số tiền vay 77.000.000 đồng, tính từ ngày 20/01/2018 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 17/8/2018, nhằm ngày mùng 7 tháng 7 năm 2018 âm lịch là hơn 05 tháng nhưng tính tròn 05 tháng với số tiền 3.850.000 đồng, tổng cộng 152.850.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Thị Bé B trình bày:*** chị có tên thường gọi là Mộng Tr1, chị thừa nhận có góp 03 phần dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/8/2016 âm lịch, hụi này gồm 31 phần do chị A (tên thường gọi là Tr) làm thảo hụi. Ngày 20/8/2016 âm lịch, chị hốt hụi và có đóng lại được 19 kỳ hụi chết do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 12 kỳ hụi chết với số tiền 72.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2018 âm lịch, chị có vay của chị A số tiền 77.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận mỗi tháng trả lãi 5%/tháng, thành tiền 3.500.000 đồng và sẽ trả vào ngày 20/01/2019, nếu chị không trả lãi hàng tháng thì chị A được quyền nhờ chính quyền xử lý nhưng từ lúc vay đến nay do làm ăn thất bại nên chị không trả lãi cho chị A nên chị A có đến đòi nhiều lần và thưa ra Tổ hòa giải ấp M yêu cầu giải quyết, chị đồng ý trả nợ nhưng xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng chị A không đồng ý. Nay chị thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho chị A số tiền hụi 72.000.000 đồng và đồng ý trả 77.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng 149.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến tháng 11/2018 sẽ trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, chị xin không trả lãi vì hiện tại kinh tế gia đình chị gặp khó khăn, không khả năng trả nợ một lần và không khả năng trả tiền lãi.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc A (tên thường gọi Tr) và chị Phạm Thị Bé B (tên thường gọi Mộng Tr1) có thỏa thuận hợp đồng góp hụi và vay tài sản với nhau, do chị B hốt hụi, nhận tiền vay nhưng không đóng lại hụi chết, không trả tiền lãi như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên và nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản nên chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B trả số tiền hụi chết, số tiền đã vay còn nợ và yêu cầu tính tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng góp hụi, tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp M, xã N, huyện X nên Tòa án nhân dân huyện X có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26,

Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với số tiền hụi: tại biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp M, xã N, Biên bản hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa, chị A và chị B cùng trình bày thống nhất: chị A có làm thảo hụi, ngày 15/8/2016 âm lịch, chị A có mở dây hụi 2.000.000 đồng gồm 31 phần và chị B có góp 03 phần. Ngày 20/8/2016 âm lịch, chị B hốt hụi và có đóng lại được 19 kỳ hụi chết thì ngưng, không đóng nữa, còn nợ lại hụi chết tính đến mãn hụi là 12 kỳ với số tiền 72.000.000 đồng, chị A là thảo hụi phải đóng thay số tiền này để giao cho các hụi viên khác. Xét thấy chị B là hụi viên đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên do đó cần buộc chị B phải thanh toán hết số nợ hụi chết còn lại là phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc chị B có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền hụi chết còn nợ là 72.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay: Hội đồng xét xử nhận thấy: tại biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp M, xã N, Biên bản hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa, chị A và chị B cùng thừa nhận: ngày 20/01/2018 âm lịch, chị B có vay của chị A số tiền 77.000.000 đồng, chị B có viết biên nhận cho chị A và hứa sẽ trả hoàn tất vào ngày 20/01/2019. Khi vay tiền, giữa chị và chị A có thỏa thuận miệng mỗi tháng chị B phải trả lãi 5%/tháng, thành tiền 3.500.000 đồng/tháng nếu vi phạm thì chị A có quyền khởi kiện nhờ chính quyền giải quyết, nhưng từ lúc vay đến nay do làm ăn thất bại nên chị B không trả lãi hàng tháng cho chị A là vi phạm thỏa thuận giữa các bên nên chị A có quyền khởi kiện để buộc chị B trả số tiền đã vay là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, buộc chị B có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền đã vay là 77.000.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: chị A yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1%/tháng đối với số tiền vay 77.000.000 đồng, tính từ ngày 20/01/2018 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 17/8/2018, nhằm ngày mùng 7 tháng 7 năm 2018 âm lịch, tính tròn 05 tháng với số tiền 3.850.000 đồng. Chị B xin không trả lãi vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Xét yêu cầu tính lãi của chị A là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ khi vay tiền, giữa các bên có thỏa thuận mỗi tháng chị B phải trả lãi đối với số tiền vay cho chị A là 5%/tháng, thành tiền 3.500.000 đồng/tháng nếu vi phạm thì chị A có quyền khởi kiện nhờ chính quyền giải quyết, nhưng từ lúc vay đến nay do làm ăn thất bại nên hàng tháng chị B không trả lãi cho chị A là vi phạm thỏa thuận giữa các bên nên chị B có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền trên là phù hợp quy định của pháp luật. Mức lãi chị A yêu cầu là 1%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 20/01/2018 âm lịch đến ngày xét xử 17/7/2018, nhằm ngày mùng 07/7/2018 là hơn 05 tháng nhưng chị A yêu cầu tính tròn 05 tháng, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, chị B có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền lãi là 3.850.000 đồng.

[4] Về thời gian trả nợ: chị A yêu cầu chị B trả số tiền vay, tiền hụi và tiền lãi, tổng cộng 152.850.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị B xin trả dần từ ngày xét xử mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến tháng 11/2018 sẽ trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện tại kinh tế gia đình chị gặp khó khăn, không khả năng trả một lần. Xét thấy, chị B đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên và vi phạm thỏa thuận trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận khi xác lập hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản, cụ thể chị phải đóng tiền hụi chết hàng tháng 03 phần là 6.000.000 đồng và trả tiền lãi 3.500.000 đồng/tháng nhưng chị không thực hiện được, hơn nữa số nợ này đã lâu và khá lớn, nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của chị A do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc chị B có nghĩa vụ trả số nợ trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị B có đơn xin giảm một phần án phí vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có xác nhận của UBND xã N, tuy nhiên lý do xin giảm án phí "*vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn*" không phải là sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận giảm một phần án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường;

- Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A**

1. Chị Phạm Thị Bé B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền hụi 72.000.000 đồng, số tiền vay 77.000.000 đồng và tiền lãi 3.850.000 đồng, tổng cộng 152.850.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu chị B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Bé B phải chịu 7.642.500 đồng

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 3.802.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014745 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài